TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2019
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Nguyễn Hữu Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-8-2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh TPM; địa chỉ: Số 2/42B A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Chị MTN; địa chỉ: Số 2/42B A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24-4-2018 và được bổ sung bằng lời khai tại các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, anh TPM trình bày như sau:

Anh TPM và chị MTN xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng từ ngày 02-6-2009. Trong thời gian chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và tính cách, nên cuộc sống vợ chồng rất căng thẳng, mệt mỏi, anh TPM không thể chung sống với chị MTN. Vì vậy, anh TPM đề nghị

Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết được ly hôn với chị MTN.

Về con chung: Anh TPM và chị MTN có 02 con chung là D, sinh ngày 19-12-2009 và E, sinh ngày 21-01-2015. Anh TPM rất yêu hai con và mong muốn được nuôi 02 con chung. Nhưng nếu chị MTN có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, thì anh TPM đồng ý để chị MTN nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh TPM sẽ gặp chị MTN để thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh TPM không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn yêu cầu ngày 29-9-2018, Bản tự khai ngày 01-10-2018, Biên bản hòa giải ngày 18-01-2019, bị đơn chị MTN trình bày như sau: Chị MTN và anh TPM xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian chung sống, hai bên không xảy ra mâu thuẫn nào lớn đến mức phải ly hôn, chị MTN và các con vẫn sống cùng gia đình nhà chồng tại Số 2/42B A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, anh TPM đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết ly hôn với chị MTN, chị MTN không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để chị và anh TPM đoàn tụ.

Về con chung: Chị MTN và anh TPM có 02 con chung là D, sinh ngày 19-12-2009 và E, sinh ngày 21-01-2015. Chị mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy các con chung.

Về tài sản chung: Chị MTN không đồng ý ly hôn, nên không có ý kiến.

Tại Bản tự khai ngày 21-8-2019, bị đơn chị MTN trình bày như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã mời hai bên đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ rất nhiều lần, nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được, chị và anh TPM đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2018. Chị MTN nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, nên chị MTN đồng ý ly hôn với anh TPM và đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung như nêu trên. Hiện nay, hai con chung đang sống cùng chị MTN, do chị MTN chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy, chị MTN đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị MTN và anh TPM tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị MTN không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về

việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng; nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Điều 28, Điều 35, Điều 48, Điều 49, Điều 97, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử cho anh TPM và chị MTN được ly hôn. Giao 02 con chung như nêu trên cho chị MTN trực tiếp nuôi dưỡng. Do anh TPM và chị MTN không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ nhất nhưng vắng mặt và đã có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Xét thấy, anh TPM và chị MTN xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của gia đình, thấy rằng quá trình chung sống giữa anh TPM và chị MTN đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được, nên cuộc sống vợ chồng rất lạnh nhạt, chị MTN và anh TPM đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên anh TPM đề nghị ly hôn với chị MTN. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh TPM được ly hôn với chị MTN là phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 02 con chung là D, sinh ngày 19-12-2009 và E, sinh ngày 21-01-2015. Tại bản tự khai, anh TPM mong muốn được nuôi 02 con chung. Nhưng nếu chị MTN có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung, thì anh TPM đồng ý để chị MTN nuôi dưỡng cả 02 con chung. Tại bản tự khai, chị MTN đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung vì các con chung đang ăn ở, học tập, sinh

hoạt cùng mẹ là chị MTN. Xét thấy, việc giao con chung cho chị MTN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của con chung và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của bị đơn, giao cả 02 con chung là D, sinh ngày 19-12-2009 và E, sinh ngày 21-01-2015 cho chị MTN trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị MTN và anh TPM đề nghị tự thỏa thuận. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh TPM và chị MTN được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là D, sinh ngày 19-12-2009 và E, sinh ngày 21-01-2015 cho chị MTN trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thoả thuận với nhau, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh TPM phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0007925 ngày 19-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Anh TPM đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, Hồng Bàng, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Huyền